

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG DƯỢC HỆ VĂN BẰNG 2

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDYT ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai)

Ngành, nghề: Dược

Mã ngành, nghề: 6720201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Văn bằng 2

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên đối với các ngành ngoài ngành y.

Thời gian đào tạo: 1,5 – 2 năm

1. Giới thiệu chương trình/ mô tả, ngành nghề đào tạo

Dược trình độ cao đẳng là ngành, nghề liên quan tới thuốc và có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe, tính mạng của con người. Các công việc chủ yếu được thực hiện tại các phòng thí nghiệm của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu; viện, trung tâm, phòng kiểm nghiệm; các công ty dược, nhà thuốc, quầy thuốc, kho thuốc; bộ phận dược của các cơ sở y tế như bệnh viện các tuyến, trung tâm y tế, trạm y tế, phòng khám chữa bệnh..., đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Nghề Dược trình độ cao đẳng gồm 5 lĩnh vực: Đảm bảo và kiểm tra chất lượng thuốc; Sản xuất, pha chế thuốc; Bảo quản thuốc; Quản lý và cung ứng thuốc; Dược bệnh viện tương ứng với 10 vị trí việc làm phổ biến. Mỗi vị trí việc làm có phạm vi công việc và nhiệm vụ đặc thù riêng như: Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm-thực phẩm; đảm bảo chất lượng; bán lẻ thuốc: chủ quầy thuốc, kho dược và vật tư y tế, Marketing - giới thiệu thuốc, Công tác dược tại cơ sở y tế...

Điều kiện làm việc của nghề thường xuyên tiếp xúc với hóa chất, nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm thuốc - mỹ phẩm-thực phẩm chức năng - vật tư y tế thông thường - dược liệu, sử dụng, vận hành thiết bị máy móc có độ chính xác cao đòi hỏi người làm nghề dược luôn phải tỷ mỉ, chính xác, thận trọng, thái độ trung thực và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. Đối với công việc thuộc lĩnh vực kinh doanh, thường xuyên tiếp xúc với khách hàng là cán bộ y tế, bệnh nhân đòi hỏi người làm nghề ngoài việc nắm chắc kiến thức về thuốc, còn phải rèn luyện tác phong thận trọng, chính xác, khả năng giao tiếp khéo léo, thuyết trình chuyên nghiệp.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người Dược sĩ trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Để hành nghề, người Dược sĩ phải có sức khỏe tốt, có ý đức, có đủ kiến thức về chính trị, pháp luật, kiến thức về chuyên môn và kỹ năng giao tiếp đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh, khách hàng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kiến thức:

- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược;
- Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu;
- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của các vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;
- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc;
- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các các dạng bào chế;
- Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm);
- Phân tích được quy trình quản lý điều hành tổ sản xuất và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng;
- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm; các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc;
- Trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng;
- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp;
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu,

thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;

- Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi;
- Phân tích được được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú ... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý.
- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề;

b) Về kỹ năng

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng;
- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp;
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý;
- Sản xuất, pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP;
- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm;
- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định;
- Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển;
- Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân;
- Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn-hiệu quả-hợp lý;
- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định;
- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình;
- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy định;

- Xử lý dược thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế trả về hoặc thu hồi;
- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng;
- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao;
- Thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR);
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), GPS và ISO trong lĩnh vực dược phẩm; các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị; các nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị trong ngành dược;
- Chịu trách nhiệm quá trình kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm – thực phẩm;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển, cấp phát, bán thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm chức năng - vật tư y tế thông thường - dược liệu - hóa chất;
- Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc – mỹ phẩm – thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả;
- Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm;
- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;
- Đảm bảo chất lượng;
- Bán lẻ thuốc;
- Thủ kho dược và vật tư y tế;
- Kinh doanh dược phẩm;
- Sản xuất thuốc;
- Thực hiện công tác dược tại cơ sở y tế.
- Học liên thông trình độ Đại học theo qui định.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1485 giờ /63 tín chỉ
- Số lượng môn học, modun: 26 môn học, mô đun
- Khối lượng học tập các môn học chung: 00 giờ/tín chỉ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1485 giờ /63 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 555 giờ/tín chỉ; thực hành, thực tập lâm sàng: 930 giờ.

5. Tổng hợp các năng lực của ngành nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
2	NLCB-02	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
3	NLCB-03	Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định
4	NLCB-04	Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị
5	NLCB-05	- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Hóa sinh, hóa học hữu cơ, hóa phân tích, thực vật dược vào chuyên môn dược
6	NLCB-06	Trung thực, khách quan, thận trọng trong quá trình thực hành nghề nghiệp.

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
7	NLCB-07	Chấp hành nhiệm vụ được giao, chủ động, chịu trách nhiệm trong công việc; Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
8	NLCL-01	Giải thích được các quy định về sử dụng hóa chất, an toàn trong sử dụng; quản lý hóa chất, nguyên vật liệu và dụng cụ trong quá trình thực.
9	NLCL-02	Có khả năng kiểm soát được nguồn lây nhiễm, xử lý rác thải theo đúng quy định về an toàn trong phòng thực hành và môi trường.
10	NLCL-03	Giao tiếp hiệu quả bằng lời, không lời. Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn-hiệu quả-hợp lý.
11	NLCL-04	Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân
12	NLCL-05	Xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ
13	NLCL-06	Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm
14	NLCL-07	Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý
15	NLCL-08	Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu;
16	NLCL-09	Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc; Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các các dạng bào chế;
17	NLCL-10	Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốt, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm);
18	NLCL-11	Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định
19	NLCL-12	Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển
20	NLCL-13	Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
21	NLCL-14	Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế
22	NLCL-15	Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế
23	NLCL-16	Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng
24	NLCL-17	Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.
25	NLCL-18	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành
III	Năng lực nâng cao	
26	NLNC-01	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để hướng dẫn người bệnh/ khách hàng sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả
27	NLNC-02	Làm việc độc lập hoặc phối hợp hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc, đảm bảo chăm sóc an toàn, toàn diện, liên tục và hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi.
28	NLNC-03	Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp
29	NLNC-04	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
30	NLNC-05	Pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP
31	NLNC-06	Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao
32	NLNC-07	Tham gia nghiên cứu khoa học và áp dụng kết quả nghiên cứu vào trong thực hành nghề nghiệp.
33	NLNC-08	Chủ động xây dựng kế hoạch và tham gia các hoạt động học tập liên tục để cập nhật và ứng dụng kiến thức, kỹ năng nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người bệnh/ khách hàng/ cộng đồng.

6. Nội dung chương trình

STT	Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập				
				Tổng số	Trong đó			
					Lý thuyết	Thực hành	Thực tập lâm sàng	Thi/ kiểm tra
I. Các môn học chung			Miễn môn					
II. Các môn học, mô đun chuyên môn								
II.1. Môn học, mô đun cơ sở			17	300	210	90	0	
1	MĐCS01	Tiếng anh chuyên ngành	1	30	0	29	0	1
2	MĐCS02	Giải phẫu sinh lý	3	60	28	29	0	3
3	MĐCS03	Vi sinh – Ký sinh trùng	2	30	28	0	0	2
4	MĐCS04	Bệnh học cơ sở	4	60	56	0	0	4
5	MĐCS05	Y đức – Tổ chức y tế	2	30	28	0	0	2
6	MĐCS06	Hóa hữu cơ	2	30	28	0	0	2
7	MĐCS07	Hóa phân tích	3	60	28	29	0	3
II.2. Môn học, mô đun chuyên môn			42	1065	315	390	360	
8	MĐD01	Thực vật và đọc viết tên thuốc	3	60	28	29	0	3
9	MĐD02	Hóa dược	3	60	28	29	0	3
10	MĐD03	Dược liệu	3	60	28	29	0	3
11	MĐD04	Dược lý 1	3	60	28	29	0	3
12	MĐD05	Tổ chức quản lý dược – Pháp chế dược	2	45	14	29	0	2
13	MĐD06	Dược lý 2	2	45	14	29	0	2
14	MĐD07	Bào chế 1	3	60	28	29	0	3
15	MĐD08	Giao tiếp – Giáo dục sức khỏe trong thực hành chuyên ngành	2	45	14	29	0	2
16	MĐD09	Dược động học và Dược lâm sàng	2	45	14	29	0	2
17	MĐD10	Thực tập lâm sàng Dược động học và Dược lâm sàng	2	90	0	0	88	2
18	MĐD11	Kiểm nghiệm	3	60	28	29	0	3

STT	Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập				
				Tổng số	Trong đó			
					Lý thuyết	Thực hành	Thực tập lâm sàng	Thi/ kiểm tra
19	MHD01	Quản lý tồn trữ thuốc	1	15	14	0	0	1
20	MĐD12	Kỹ năng thực hành tại cơ sở bán lẻ thuốc	2	90	0	0	88	2
21	MĐD13	Nghiên cứu khoa học	2	45	14	29	0	2
22	MĐD14	Bào chế 2	2	45	14	29	0	2
23	MĐD15	Dược học cổ truyền	3	60	28	29	0	3
24	MĐD16	Thực tế tốt nghiệp	4	180	0	0	176	4
II.3. Môn học, mô đun tự chọn			4	120	30	0	90	
Chuyên đề 1: Chuyên ngành Quản lý, cung ứng thuốc								
25	MĐTC01	Kinh tế dược - Quản trị kinh doanh và marketing dược	2	60	14	0	44	2
26	MĐTC02	Kỹ năng phân phối và bán lẻ thuốc	2	60	14	0	44	2
Chuyên đề 2: Chuyên ngành Sản xuất và phát triển thuốc								
25	MĐTC01	Thực phẩm bổ sung và mỹ phẩm nguồn gốc tự nhiên.	2	60	14	0	44	2
26	MĐTC02	Công nghệ sản xuất một số dạng thuốc thông dụng.	2	60	14	0	44	2
TỔNG CỘNG			63	1485	518	464	440	63

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc: Sinh viên được miễn các môn học này.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Tổ chức hội thảo/sinh hoạt ngoại khóa trao đổi kinh nghiệm học tập và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp được tổ chức mỗi học kỳ/lần.

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học: Áp dụng Quy định về thực hiện chương trình đào tạo theo thông tư 04/2022/TTBLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 13/3/2022 và thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong

chương trình đào tạo.

7.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp: Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ quy định tại thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

- Hiệu trưởng trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng danh hiệu cử nhân thực hành ngành Dược (bằng bậc 5 trong khung trình độ quốc gia).

7.5. Các phương pháp dạy – học chính: tất cả các môn học được giảng dạy bằng các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm như thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thảo luận ca lâm sàng, giải quyết vấn đề, bài tập nhóm, bài tập lớn, thực hành dựa vào bằng chứng.

7.6. Điều kiện thực hiện chương trình:

- Tổ chức học lý thuyết tại giảng đường có đủ thiết bị âm thanh, ánh sáng, máy chiếu. Tổ chức học thực hành tại phòng thực hành có đủ trang thiết bị, mô hình thực hành theo yêu cầu của từng môn học.

- Tổ chức thực tập lâm sàng tại các cơ sở y tế đã công bố đủ điều kiện là cơ sở đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe, có ký hợp đồng nguyên tắc theo nghị định 111/2017/NĐ-CP về việc phối hợp đào tạo thực hành giữa cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

- Giảng viên đạt tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và có đủ kinh nghiệm giảng dạy.

7.7. Hướng dẫn phân môn học/ mô đun tự chọn: Sinh viên được tự chọn 01 trong 02 chuyên đề tự chọn để bổ sung kỹ năng chuyên môn trước khi học môn cuối cùng là mô đun Thực tế tốt nghiệp.